

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/DSST

Ngày 18 tháng 02 năm 2022

V/v “Tranh chấp về quyền sở hữu
tài sản và các quyền khác đối với tài sản”
và “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Sơn Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh
2. Ông Thái Văn Sơn.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi , Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/02/2022 và 18/02/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2020/TLST-DS ngày 24/6/2020 về việc “Tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản” và “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-DS ngày 17/01/2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh H, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Số 211/6B đường X, Phường 26, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú: Số 49B Cư xá L, Phường 7, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Nguyễn Thi – Miền Nam thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Bị đơn: Bà Biện Thị Thu M, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Văn Y, Luật sư Văn phòng Luật sư Đặng Văn Yêm thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Tuấn L, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 118/5 Đường Đ, Phường 15, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/4/2019, những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh H trình bày:

Ngày 26/9/2011, ông Huỳnh Tuấn L có đến thuê bà Huỳnh H một xe ô tô hiệu Toyota Innova Biển số 52F-6320, thời hạn ba ngày với giá thuê 3.000.000 đồng. Hết hạn thuê, không thấy ông L trả xe, bà H gọi điện thoại yêu cầu ông L trả xe thì ông L nói muốn thuê thêm năm ngày, bà H đồng ý cho thuê với giá 5.000.000 đồng. Đến ngày 08/10/2011, ông L đến gặp bà H nói là xe Innova do em ông L sử dụng đi cứu trợ chưa về và thuê thêm một chiếc xe để đón vợ là Việt kiều. Bà H đồng ý và ký hợp đồng cho ông L thuê chiếc xe ô tô con màu đen, nhãn hiệu Honda Civic biển số đăng ký 50Z-4938, Số máy: 18A1-2950615, Số khung: 15217Y00618, đăng ký lần đầu ngày 17/8/2007 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian thuê xe từ ngày 08/10/2011 đến 10/10/2011; số tiền thuê xe là 3.000.000 (ba triệu) đồng; số tiền đặt cọc thêm: 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Sau khi nhận xe, ông L đã thực hiện không đúng thời hạn 03 (ba) ngày trả xe như hợp đồng đã ký mà cứ hẹn thêm vài ngày, bà H không đồng ý. Ông L hẹn đến ngày 01/11/2011 sẽ mang cả hai chiếc xe thuê đến trả cho bà H. Đến hẹn, bà H điện thoại thì ông L khóa máy, không liên lạc được. Ngày 03/11/2011, bà H tìm đến địa chỉ nhà ông L theo hợp đồng, nhưng phát hiện ông L bán nhà đi hơn một năm. Do đó, bà H đã làm đơn tố cáo ông L tại Công an quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Công an quận Phú Nhuận đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Đội 8, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Đội 8, PC.45). Vụ việc được Đội 8, PC.45 thụ lý giải quyết, nhưng không có kết quả. Ngày 03/11/2012, bà H định vị được chiếc xe ô tô hiệu Innova tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên đến vị trí định vị được và phát hiện chiếc xe Innova đang đậu bên lề đường nên bà H dùng chìa khóa dự phòng nổ máy xe và chạy về nhà, phát hiện trên xe có giấy đăng ký xe ô tô Toyota Innova biển số 52F-6320 trùng với giấy đăng ký xe mà bà đang giữ. Biết được bà M cầm cố 02 xe ô tô hiệu Toyota Innova và Honda Civic, bà H trình báo và yêu cầu Đội 8, PC.45 phối hợp để thu hồi cả chiếc xe Honda Civic, nhưng Công an không thu hồi xe trả lại cho bà H mà kéo dài sự việc.

Đến ngày 21/02/2014, bà M cùng ông Lê Minh T (chồng bà M) với lái xe tên Lương Hoài T sử dụng chiếc xe Honda Civic đi buôn bán hàng cấm ở cửa khẩu thuộc huyện Đ, tỉnh Long An, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Huệ, tỉnh Long An thu giữ xe và mời bà H, với tư cách là chủ sở hữu hợp

pháp của chiếc xe, tham gia tố tụng. Tuy nhiên, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An ban hành Quyết định trả lại vật chứng số 01/QĐ ngày 24/4/2014, đến ngày 06/5/2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã trả lại cho bà M chiếc xe nêu trên, nhưng lại ghi để bảo vệ chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe là bà H. Ngày 30/5/2014, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã mở phiên tòa sơ thẩm lưu động công khai tại Nhà văn hóa Ấp 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An để xét xử vụ án buôn bán hàng cấm đối với Lương Hoài T. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu trả lại cho bà chiếc xe và yêu cầu bà M bồi thường thiệt hại mỗi ngày 1.000.000 (một triệu) đồng từ tháng 12/2011 cho đến ngày xét xử, nhưng phía bà M không đồng ý. Tại Bản án sơ thẩm số 07/2014/HSST ngày 30/5/2014, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã tách yêu cầu của bà H ra để giải quyết bằng một vụ án khác. Không đồng ý với phán quyết này, bà H kháng cáo. Ngày 29/9/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã xét xử phúc thẩm vụ án và giữ nguyên nhận định của án sơ thẩm về việc tách yêu cầu trả lại xe của bà H để giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự. Bà H đã khiếu nại, tố cáo nhiều nơi như tại Viện kiểm sát tỉnh Long An, Tòa án nhân dân tỉnh Long An, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh..., nhưng được hướng dẫn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà M trả lại xe ô tô con màu đen, nhãn hiệu Honda Civic biển số đăng ký 50Z-4938, Số máy: 18A1-2950615, Số khung: 15217Y00618 mà bà M đã chiếm giữ trái pháp luật; bồi thường thiệt hại do chiếc xe bị hư hỏng, xuống cấp bằng tiền tương ứng với giá trị chiếc xe khi mua là 880.000.000 đồng và bồi thường về lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác chiếc xe bị mất, bị giảm sút trong 10 năm (từ 2011 đến 2021) với số tiền là 900.000.000 đồng (mỗi năm 90.000.000 đồng).

Tại Bản tự khai ngày 05/8/2020, ngày 25/8/2020 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Biện Thị Thu M trình bày:

Ngày 02/11/2011, bà M có cầm cố của ông Huỳnh Tuấn L một chiếc xe Honda Civic màu đen, biển số 50Z-4938, kèm bản sao giấy đăng ký xe và bản sao Chứng minh nhân dân của ông L có công chứng với số tiền là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng. Sau một thời gian, ông L không chuộc lại xe và có nói cho bà M sử dụng xe đi lại trong khi chờ ông L chuộc lại xe, nên bà M mới sử dụng chiếc xe mà ông L cầm cố. Khoảng năm 2013, Đội 8, PC.45 Công an Thành phố Hồ Chí Minh có mời bà M đến làm việc theo đơn tố cáo của bà H cho rằng bà M cầm cố xe không chính chủ là sai quy định. Bà M liên hệ với ông L thì không được. Bà M đồng ý giao nộp xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ, nhưng cơ quan điều tra trả lời là chưa đủ yếu tố để thu hồi xe, tạm thời giao bà M bảo quản, khi nào bắt được ông L sẽ giải thu hồi xe sau.

Sau đó vào năm 2014, lái xe của chồng bà M là Lương Hoài T sử dụng xe vận chuyển hàng cấm bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Huệ, tỉnh Long An thu giữ chiếc xe Honda Civic màu đen, biển số 50Z-4938 làm vật chứng. Ngày 06/5/2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An

đã giao trả lại cho bà M quản lý chiếc xe. Nay bà Huỳnh H khởi kiện yêu cầu bà M trả lại xe cho bà H và bồi thường thiệt hại là không có căn cứ, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H vì bà không chiếm giữ xe trái pháp luật. Bà chỉ đồng ý giao xe cho Tòa án để giải quyết tranh chấp.

Bà H không đồng ý hòa giải với bà M nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Bà H xác định không yêu cầu Luật sư Nguyễn Thành T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà. Bà H thống nhất với kết quả thẩm định giá tại Chứng thư thẩm định giá số 220.1221/CT-SAG ngày 24/12/2021 của Công ty TNHH Thẩm định giá SAG. Bà H xác định đã nhận và hiện đang quản lý chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic màu đen, biển số 50Z-4938 từ ngày 16/12/2021. Bà H xác định yêu cầu khởi kiện đối với bà M là buộc trả lại xe ô tô hiệu Honda Civic màu đen, biển số 50Z-4938; buộc bà M bồi thường thiệt hại do chiếc xe bị hư hỏng, xuống cấp bằng tiền tương ứng với giá tại thời điểm năm 2011 theo chứng thư thẩm định giá; buộc bà M bồi thường thiệt hại do lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác chiếc xe bị mất trong 10 năm (từ năm 2011 đến năm 2021) với số tiền mỗi năm là 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng, tổng cộng là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng; yêu cầu bà M phải thanh toán các chi phí tố tụng bà H đã tạm ứng gồm: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá, thẩm định giá tài sản mà bà H đã tạm ứng.

Bà H xác định không yêu cầu đối với ông Huỳnh Tuấn L, ông Lê Minh T và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An trong việc bồi thường thiệt hại cho bà. Trường hợp có tranh chấp bà sẽ yêu cầu bằng vụ án khác.

Bà M thống nhất với kết quả thẩm định giá tại Chứng thư thẩm định giá số 220.1221/CT-SAG ngày 24/12/2021 của Công ty TNHH Thẩm định giá SAG. Bà M xác định mình là người ký nhận cầm cố chiếc xe từ ông L, bà xác định là người nhận xe và quản lý, bảo quản xe do Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An giao lại từ ngày 06/5/2014 đến nay. Nay bà thấy việc cầm cố chiếc xe từ ông L trong khi ông L không phải chủ sở hữu xe là không đúng quy định. Tuy nhiên, bà cũng bị thiệt hại nên chỉ đồng ý bồi thường cho bà H số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M trình bày quan điểm bảo vệ cho bà M:

Bà M đã nhận biết việc cầm cố không đúng quy định của pháp luật nên đã trình báo với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh để trả lại xe vào năm 2013, nhưng do cơ quan điều tra không chịu thu hồi xe để xử lý chứ không phải bà M cố ý chiếm giữ chiếc xe của bà H. Việc bà M không trực tiếp trả xe cho bà H là nhằm tránh tranh chấp về sau với ông Huỳnh Tuấn L vì ông L mới là người giao xe (cầm cố) cho bà M. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà H. Ghi nhận việc bà M đồng ý bồi thường cho bà H số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Bà H tranh luận với ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Nếu bà M có thiện chí thì đã trả lại xe cho bà H tại thời điểm bà H phát hiện chiếc xe và trình báo với Công an Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2012 hoặc khi Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An xét xử chứ không phải thách thức bà H đi kiện. Luật sư trình bày quan điểm như vậy là không có cơ sở. Do đó, bà H không chấp nhận việc bà M bồi thường số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định, trừ việc Tòa án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm này không nghiêm trọng, không ảnh hưởng đến bản chất, nội dung vụ án nên kiến nghị Tòa án rút kinh nghiệm.

Tòa án đã xác định đúng tư cách tố tụng và triệu tập đầy đủ đương sự tham gia tố tụng. Bà M đề nghị đưa ông Lê Minh T vào tham gia tố tụng. Tòa án sau khi xem xét xác định bà M là người trực tiếp ký cầm cố xe của ông L và được Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An giao giữ tài sản là chiếc xe đến nay. Nên Tòa án không đưa ông T vào tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu của bà H về việc buộc bà M phải trả lại chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic màu đen, biển số 50Z-4938; buộc bà M bồi thường thiệt hại do chiếc xe bị hư hỏng, xuống cấp theo chứng thư thẩm định giá; buộc bà M bồi thường thiệt hại do lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác chiếc xe trong 10 năm là phù hợp quy định tại Điều 166, Điều 170 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, đề nghị xem xét thời gian bà M chiếm hữu chiếc xe là không ngay tình từ thời điểm nhận cầm cố chiếc xe từ ông L đến thời điểm Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An giao trả chiếc xe vào ngày 06/5/2014. Từ thời điểm nhận xe đến nay, bà M chiếm hữu chiếc xe là công khai, ngay tình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H.

Đối với yêu cầu của bà H buộc bà M phải trả lại cho bà H chi phí tố tụng mà bà H đã tạm ứng là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của bà Huỳnh H và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và các quyền khác đối với tài sản” và “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” được quy định tại khoản 2 và khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Biện Thị Thu M cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn bà M đề nghị Tòa án đưa ông Lê Minh T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy bà M thừa nhận là người trực tiếp ký tên cầm cố tài sản từ ông L. Bà M chiếm hữu chiếc xe từ khi cầm cố, đến khi chiếc xe bị Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Huệ, tỉnh Long An thu giữ làm vật chứng trong vụ án ông Lương Hoài T vận chuyển hàng cấm và từ ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An giao trả cho bà chiếc xe để quản lý, bảo quản đến nay phù hợp với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi. Bà M với ông T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 1073/2013/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Củ chi, Thành phố Hồ Chí Minh, ông T hiện đã chết theo trình bày của bà M tại phiên tòa. Bà H xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bà M trả lại chiếc xe và bồi thường thiệt hại, không yêu cầu ông T. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự không đưa ông T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Đối với ông Huỳnh Tuấn L là người thuê xe của bà H, là người cầm cố xe cho bà M. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự đưa ông L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông L.

[5] Bà H xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bà M trả lại chiếc xe và bồi thường thiệt hại; không yêu cầu ông T, ông L và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An bồi thường thiệt hại cho bà H. Hội đồng xét xử xét thấy tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương*

sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của bà H. Trường hợp giữa bà H với ông L, ông T, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An có tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Tại phiên tòa, bà H xác định rút một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do chiếc xe bị hư hỏng, xuống cấp tính bằng tiền tương ứng với giá trị chiếc xe khi mua là 880.000.000 đồng; chỉ yêu cầu tính từ thời điểm cho thuê theo chứng thư thẩm định giá là 407.522.000 đồng. Như vậy, phần yêu cầu bà H rút là: 880.000.000 đồng – 407.522.000 đồng = 472.478.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu này của bà H là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[7] Bà H, bà M cùng thừa nhận chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic màu đen, biển số 50Z-4938 là bà Huỳnh H. Cùng thừa nhận việc ông L cầm cố cho bà M chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic màu đen, biển số 50Z-4938, khi cầm cố ông L không phải người đứng tên chủ sở hữu xe. Chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic màu đen, biển số 50Z-4938 đã được Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An trả lại cho bà M vào ngày 06/5/2014. Từ ngày 06/5/2014 đến trước thời điểm bà H khởi kiện bà M tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (ngày 11/3/2020) thì bà H không khởi kiện tranh chấp dân sự nào liên quan đến chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic màu đen, biển số 50Z-4938 tại Tòa án có thẩm quyền. Cùng thống nhất kết quả thẩm định giá tại Chứng thư thẩm định giá số 220.1221/CT-SAG ngày 24/11/2021 của Công ty TNHH Thẩm định giá SAG. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Giao dịch dân sự giữa bà H với ông L; giữa ông L với bà M được xác lập, thực hiện xong tại thời điểm Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 (Bộ luật dân sự năm 2005) có hiệu lực, trước ngày Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 (Bộ luật dân sự năm 2015) có hiệu lực. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 quyết định áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp liên quan đến giao dịch dân sự giữa bà H với ông L; giữa ông L với bà M.

[9] Đối với tranh chấp không phát sinh từ các giao dịch dân sự, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[10] Hội đồng xét xử xét việc bà M cầm cố chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic màu đen, biển số 50Z-4938 từ ông Huỳnh Tuấn L vào ngày 02/11/2011, trong khi ông L chỉ là người chiếm hữu thông qua giao dịch thuê xe với bà H, ông L không phải là chủ sở hữu hợp pháp, không có giấy ủy quyền hợp lệ, nhưng bà M vẫn chấp nhận cầm cố chiếc xe là trái với quy định tại Điều 326 của Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 326 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

“Cầm cố tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự”. Đồng thời, bà M cầm cố chiếc xe nêu trên cũng trái với quy định tại Điều 7 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP ngày 03/9/2009 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, được hướng dẫn tại điểm i khoản 2 Điều 6 Thông tư số 33/2010/TT-BCA ngày 05/10/2010 của Bộ Công an quy định: *“... Đối với những hàng hóa, tài sản cầm đồ thuộc sở hữu của người thứ ba phải có giấy ủy quyền hợp lệ của chủ sở hữu”.* Từ những căn cứ pháp lý này, Hội đồng xét xử xác định việc bà M nhận cầm cố và chiếm hữu chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic màu đen, biển số 50Z-4938 là không có căn cứ pháp luật và không ngay tình theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[11] Tuy nhiên vào ngày 06/5/2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã trả lại cho bà M chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic màu đen, biển số 50Z-4938. Việc trả lại xe cho bà M của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An là không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bởi lẽ như nhận định tại Mục [10], bà M chiếm hữu chiếc xe không có căn cứ pháp luật và không ngay tình, không phải là người quản lý hợp pháp chiếc xe. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định thời điểm trước từ khi cầm cố xe đến khi nhận lại xe (ngày 06/5/2014), bà M chiếm hữu chiếc xe là không ngay tình. Từ thời điểm ngày 06/5/2014 đến nay, bà M chiếm hữu chiếc xe được xem là ngay tình vì tin rằng có quyền đối với chiếc xe khi được Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An giao trả.

[12] Hội đồng xét xử xét thấy bà H là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe ô tô hiệu Honda Civic màu đen, biển số 50Z-4938 theo Đăng ký xe ô tô số: 002165 ngày 17/8/2007 của Phòng Cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, điều này được bà M thừa nhận. Bà H yêu cầu bà M phải trả lại chiếc xe cho bà H là phù hợp với quy định tại Điều 186, khoản 1 Điều 579, khoản 1 Điều 580 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi lại xe của bà H, buộc bà M phải trả lại chiếc xe cho bà H. Tại Biên bản ghi nhận sự việc ngày 16/12/2021, bà M đã bàn giao và bà H đã nhận chiếc xe ô tô con màu đen, nhãn hiệu Honda Civic biển số đăng ký 50Z-4938, Số máy: 18A1-2950615, Số khung: 15217Y00618 xong.

[13] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà H bao gồm: Thiệt hại do chiếc xe bị hư hỏng, xuống cấp tính bằng tiền tương ứng với giá trị chiếc xe khi cho thuê theo chứng thư thẩm định giá là 407.522.000 đồng và bồi thường về lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác chiếc xe bị mất, bị giảm sút trong 10 năm (từ 2011 đến 2021) với số tiền là 900.000.000 đồng. Tổng mức thiệt hại bà H yêu cầu là: 407.522.000 đồng + 900.000.000 đồng = 1.307.522.000 đồng. Đây là những thiệt hại phù hợp với quy định tại Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[14] Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng quy định tại Điều 584 của Bộ luật dân sự năm 2015: *“Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường...”*. Như nhận định tại Mục [10], bà M chiếm hữu chiếc xe là không có căn cứ pháp luật, không ngay tình nên phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà H trong thời gian chiếm hữu không có căn cứ pháp luật, không ngay tình từ ngày 02/11/2011 đến ngày 06/5/2011. Nhằm bảo vệ quyền chiếm hữu của bà H theo quy định tại Điều 185 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì ngoài việc buộc bà M trả lại tài sản thì còn phải bồi thường thiệt hại cho bà H.

[15] Tuy nhiên, đối với thiệt hại do tài sản bị giảm sút giá trị, hư hỏng theo yêu cầu bà H Hội đồng xét xử cần xem xét giá trị hợp lý (giá trị tài sản còn lại) của chiếc xe sau khi khấu trừ hao mòn tài sản sau một khoảng thời gian sử dụng được xác định tại Chứng thư thẩm định giá số 220.1221/CT-SAG ngày 24/12/2021 của Công ty TNHH Thẩm định giá SAG đối với chiếc xe tại thời điểm năm 2011 là: 407.522.000 đồng. Chứng thư thẩm định giá kết luận giá trị còn lại của chiếc xe ô tô hiệu Honda, số loại Civic 1.8MT, biển số 50Z-4938 tại thời điểm năm 2014 là: 376.729.000 và tại thời điểm năm 2021 là: 110.483.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định thiệt hại do chiếc xe bị hư hỏng, giảm sút giá trị tại thời điểm năm 2014 là: 407.522.000 đồng – 376.729.000 đồng = 30.793.000 đồng. Như nhận định tại mục [11], bà M được xác định chiếm hữu không ngay tình từ thời điểm cầm cố xe (ngày 02/11/2011) đến ngày 06/5/2014, nên phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị giảm sút giá trị từ năm 2011 đến 2014, được Hội đồng xét xử xác định là 30.793.000 đồng.

[16] Lẽ ra, bà M chỉ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị giảm sút giá trị trong thời gian chiếm hữu không ngay tình (từ 2011 – 2014), nhưng tại Biên bản trả lại vật chứng ngày 06/5/2014 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An ghi nhận: *“Để bảo vệ người chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe nói trên là bà Huỳnh H, sinh năm 1968, thường trú 211/6B Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, bà Biện Thị Thu M có trách nhiệm quản lý bảo quản chiếc xe tránh hư hỏng để còn giải quyết tranh chấp sau này”*. Trong quá trình quản lý, bảo quản xe, bà M để xe bị hư hỏng, giá trị còn lại của chiếc xe hiện nay là 110.483.000 đồng. Do đó, thiệt hại do tài sản bị giảm sút giá trị, hư hỏng có một phần lỗi trong việc bảo quản của bà M. Song song đó, bà H xác định từ năm 2014 đến nay, bà không khởi kiện tranh chấp dân sự về quyền sở hữu chiếc xe tại Tòa án có thẩm quyền nào mà chỉ khiếu nại, tố cáo việc trả lại xe cho bà M của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định lỗi trong việc để chiếc xe bị giảm sút giá trị, hư hỏng từ năm 2014 đến nay là do lỗi của bà M lẫn bà H, mỗi bên có lỗi như nhau nên thiệt hại các bên phải chịu trách nhiệm 50%. Hội đồng xét xử xác định thiệt hại do tài sản bị giảm sút từ năm 2014 đến tháng 12/2021 (thời điểm thẩm định giá) là: 376.729.000 đồng - 110.483.000 đồng = 266.246.000 đồng, mỗi bên chịu trách nhiệm đối với thiệt hại là: 266.246.000 đồng : 2 = 133.123.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp

nhận một phần yêu cầu của bà H. Buộc bà M phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bà H thiệt hại do chiếc xe bị giam giữ, hư hỏng được xác định là: 30.793.000 đồng + 133.123.000 đồng = 163.916.000 đồng.

[17] Đối với thiệt hại do lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác chiếc xe bị mất, bà H đưa ra các tài liệu, chứng cứ là các hợp đồng cho thuê xe cùng loại với chiếc Honda Civic để chứng minh thiệt hại, đồng thời lấy trung bình cộng chung cho thiệt hại mỗi năm là 90.000.000 đồng, mỗi tháng tính ra là 7.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy mức yêu cầu của bà H là thấp hơn giá cho thuê các loại xe cùng loại với Honda Civic theo các hợp đồng cho thuê xe mà bà H đã cung cấp. Hội đồng xét xử thấy phù hợp, có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, như nhận định tại Mục [11], bà M chỉ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong thời gian chiếm hữu không ngay tình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà H về việc bà M phải bồi thường thiệt hại do lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác chiếc xe từ ngày 02/11/2011 đến 06/5/2014 là: 30 tháng x 7.500.000 đồng/tháng = 225.000.000 đồng.

[18] Như vậy, tổng mức thiệt hại theo yêu cầu của bà H đối với bà M được Hội đồng xét xử chấp nhận tại Mục [16], [17] là: 163.916.000 đồng + 225.000.000 đồng = 388.916.000 đồng.

[19] Đối với phần thiệt hại do lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác chiếc xe, từ ngày 06/5/2014 đến năm 2021, theo yêu cầu của bà H là: 900.000.000 đồng - 225.000.000 = 675.000.000 đồng. Đây là thiệt hại thực tế và lẽ ra bà H được bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, thiệt hại này không phải do bà M gây ra, vì thời điểm này bà M được xác định là chiếm hữu ngay tình như nhận định tại Mục [11]. Tại phiên tòa, bà H xác định không yêu cầu ai khác ngoài bà M phải bồi thường thiệt hại cho bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bà H đối với bà M.

[20] Như vậy, phần yêu cầu của bà H không được Hội đồng xét xử chấp nhận là: 1.307.522.000 đồng - 388.916.000 đồng = 918.606.000 đồng

[21] Đối với yêu cầu của bà H buộc bà M phải hoàn trả cho bà H chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá theo Biên nhận ngày 16/11/2020; chi phí thẩm định giá theo Hòa đơn bán hàng số: 0000712 ngày 27/12/2021 của Công ty TNHH Thẩm định giá SAG mà bà H đã tạm ứng. Hội đồng xét xử xét thấy do yêu cầu của bà H được chấp nhận một phần nên buộc bà M phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí định giá, chi phí thẩm định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 156, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Buộc bà M có trách nhiệm hoàn trả cho bà H chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá, thẩm định giá tổng cộng là: 5.700.000 đồng.

[22] Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, phù hợp quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[23] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí do một phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí cho phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[24] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 và khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 326, Điều 189 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 185, Điều 186, khoản 1 Điều 579, khoản 1 Điều 580, khoản 1 Điều 584, khoản 1, 2 Điều 589, Điều 668 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh H.

Buộc bà Biện Thị Thu M trả lại cho bà Huỳnh H chiếc xe ô tô con màu đen, nhãn hiệu Honda Civic biển số đăng ký 50Z-4938, Số máy: 18A1-2950615, Số khung: 15217Y00618 theo Đăng ký xe ô tô số: 002165 ngày 17/8/2007 của Phòng Cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh (đã thực hiện xong theo Biên bản ghi nhận sự việc ngày 22/12/2021).

Buộc bà M có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà H số tiền tổng cộng là 388.916.000 (ba trăm tám mươi tám triệu chín trăm mười sáu nghìn) đồng.

Buộc bà M hoàn trả số tiền bà H đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá, thẩm định giá là 5.700.000 (năm triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Không chấp nhận yêu cầu của bà H đối với phần bồi thường thiệt hại số tiền 918.606.000 (chín trăm mười tám triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn) đồng.

Đình chỉ xét xử đối với phần bà H rút yêu cầu là 472.478.000 (bốn trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.445.800 (mười chín triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm) đồng.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 39.558.180 (ba mươi chín triệu năm trăm năm mươi tám nghìn một trăm tám mươi) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp 19.200.000 (mười chín triệu hai trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0084120 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà H phải nộp bổ sung án phí là 20.358.180 (hai mươi triệu ba trăm năm mươi tám nghìn một trăm tám mươi) đồng.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Sơn Hà